

Trường: THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Võ Công Mỹ
Ngày soạn: 17/10/2025
Lớp dạy: 10/1, 10/5
Thời gian thực hiện: Tuần học 7

BÀI 6: HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC

Môn: Toán 10 – Hình học

Thời gian thực hiện: 2 tiết: 20, 21

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lý cosin, định lý sin, công thức tính diện tích tam giác.
- Làm được các bài toán cụ thể từ lý thuyết đã được học.
- Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp ...).

2. Về năng lực: Năng lực tư duy và lập luận Toán học (1); Năng lực mô hình hóa Toán học (2); Năng lực giải quyết vấn đề Toán học (3); Năng lực giao tiếp Toán học (4); Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện để học Toán (5).

(1): Học sinh so sánh, phân tích, lập luận để thiết lập Định lý sin, cosin, các công thức tính diện tích.

(2): Học sinh chuyển các bài toán tính khoảng cách về bài toán giải tam giác:

- Thiết lập được mô hình Toán học (bài toán giải tam giác).
- Giải quyết được vấn đề Toán học (giải được tam giác).
- Trả lời bài toán thực tế.

(3): Học sinh sử dụng định lý sin, cosin để giải tam giác.

(4): Học sinh thảo luận nhóm và báo cáo kết quả, nhận xét đánh giá chéo giữa các nhóm.

(5): Học sinh sử dụng thước thẳng, thước đo góc để vẽ hình, sơ đồ, đo đạc.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ xem bài trước ở nhà. Trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao và nêu các câu hỏi về vấn đề chưa hiểu.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Giáo viên :

- KHBD, SGK.
- Máy chiếu, tranh ảnh.
- Bài tập củng cố cuối chủ đề; bài tập rèn thêm khi về nhà.

Học sinh :

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động mở đầu (3 phút)

– **Mục tiêu:** Dẫn nhập vào bài học, tạo hứng thú cho học sinh.

– **Nội dung:**

Đặt vấn đề: Ngắm Tháp Rùa từ bờ, bằng những dụng cụ đơn giản , để chuẩn bị, làm sao để đo được khoảng cách từ vị trí người chụp hình đến Tháp Rùa?



A. Hình thành Định lý cosin.

1. Hoạt động khởi động (10 phút).

1.1. Mục tiêu:

- Gợi động cơ, tạo tình huống xuất hiện trong thực tế để HS tiếp cận hình thành định lý cosin.

1.2. Nội dung:

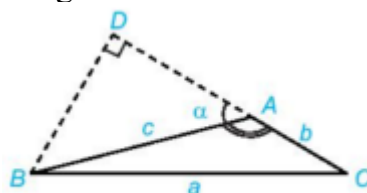
Hoạt động 1: Một tàu biển xuất phát từ cảng Vân Phong (Khánh Hòa) theo hướng đông với vận tốc 20km/h. Sau khi đi được 1 giờ, tàu chuyển sang hướng đông nam rồi giữ nguyên vận tốc và đi tiếp.

a) Hãy vẽ sơ đồ đường đi của tàu trong 1,5 giờ kể từ khi xuất phát (1km trên thực tế ứng với 1cm trên bản vẽ).

b) Hãy đo trực tiếp trên bản vẽ và cho biết sau 1,5 giờ kể từ khi xuất phát, tàu cách cảng Vân Phong bao nhiêu kilômét (số đo gần đúng).

c) Nếu sau khi đi được 2 giờ, tàu chuyển sang hướng nam thay vì đông nam) thì có thể dùng Định lý Pythagore (Pi-ta-go) để tính chính xác các số đo trong câu b hay không?

Hoạt động 2: Trong hình 3.8, hãy thực hiện các bước sau để thiết lập công thức tính a theo b , c và giá trị lượng giác của góc A .



Hình 3.8

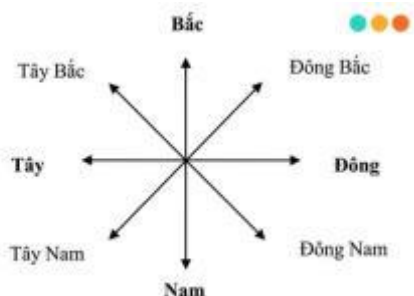
- a) Tính a^2 theo BD^2 và CD^2 .
b) Tính a^2 theo b, c và DA .
c) Tính DA theo c và $\cos A$.
d) Chứng minh $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos A$.
e) Áp dụng công thức ở câu d), tính khoảng cách được đề cập trong câu 1b..

1.3. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm theo phân công và báo cáo kết quả theo mẫu.

Sơ đồ và kết quả đo của 4 nhóm.

STT	Sơ đồ đường đi	Kết quả đo	Có thể dùng định lí Pitago để giải không?	Thiết lập công thức tính a^2	Áp dụng công thức tính câu b
Nhóm 1					
Nhóm 2					
Nhóm 3					
Nhóm 4					

1.4. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến																		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thực hiện HD 1 và HD 2 trong sách giáo khoa KNTT rồi báo cáo lại kết quả. - Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định các hướng đông, tây, nam, bắc.  B2: Thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận với các bạn cùng nhóm trả lời câu hỏi. B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 1 nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: - GV đánh giá thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh, và tổng hợp kết quả. - Phương pháp đánh giá: Đánh giá qua sản phẩm của học sinh <table><tr><th rowspan="2">NỘI DUNG</th><th rowspan="2">TIÊU CHÍ</th><th colspan="2">XÁC NHẬN</th></tr><tr><th>Có</th><th>Không</th></tr><tr><td>Vẽ sơ đồ</td><td>Vẽ chính xác sơ đồ đường đi</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Kết quả đo</td><td>Kết quả đo tương đối chính xác</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thiết lập công thức</td><td>Đúng công thức</td><td></td><td></td></tr></table>	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ	XÁC NHẬN		Có	Không	Vẽ sơ đồ	Vẽ chính xác sơ đồ đường đi			Kết quả đo	Kết quả đo tương đối chính xác			Thiết lập công thức	Đúng công thức			
NỘI DUNG			TIÊU CHÍ	XÁC NHẬN															
	Có	Không																	
Vẽ sơ đồ	Vẽ chính xác sơ đồ đường đi																		
Kết quả đo	Kết quả đo tương đối chính xác																		
Thiết lập công thức	Đúng công thức																		

Áp dụng công thức	Áp dụng công thức tính đúng được kết quả			
Phẩm chất	Các thành viên hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động nhóm			
Phẩm chất	Nộp đúng thời hạn giao viên yêu cầu			

- Công cụ kiểm tra đánh giá quá trình: Câu hỏi

2. Hình thành kiến thức (10 phút):

2.1. Mục tiêu:

- Học sinh hình thành định lý cosin.
- Học sinh nắm và vận dụng được định lý cosin.

2.2. Nội dung:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
Từ kết quả của hoạt động 2 ở phần khởi động ý d đã “Chứng minh: $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos A$ ”.
Từ đó hãy:
+ Tính b^2 theo a, c và cosB.
+ Tính c^2 theo a,b và cosC.

+ **Sản phẩm:** Bài giải của học sinh.

+ **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện ở phiếu học tập số 1. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý quan sát, lắng nghe và cá nhân thực hiện câu hỏi. - HS ghi khung kiến thức vào vở. + Gv quan sát, theo dõi và hỗ trợ (khi cần). B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 HS đứng trước lớp: Nêu công thức tính b^2, c^2 B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá kết quả của HS.	Định lý cô sin: Trong tam giác ABC $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos A$ $b^2 = a^2 + c^2 - 2ac \cos B$ $c^2 = a^2 + b^2 - 2ab \cos C$

3. Hoạt động luyện tập, khám phá. (7 phút)

3.1. Mục tiêu: Biết vận dụng kiến thức định lý cosin vào tìm các yếu tố liên quan đến tam giác như độ dài cạnh, số đo các góc trong tam giác.

3.2. Nội dung:

PHIẾU HỌC TẬP 2
Câu 1: Từ định lý cosin, hãy rút ra công thức tính cosA, cosB, cosC.

Câu 2. Cho tam giác ABC có $A = 120^\circ$ và $AB = 6$, $AC = 8$. Tính độ dài cạnh BC.

Câu 3. Cho tam giác ABC có $AB = 7\text{cm}$, $BC = 5\text{cm}$ và $B = 60^\circ$. Tính độ lớn các góc còn lại của tam giác.

3.3. Sản phẩm: Bài giải của học sinh

3.4 Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện. - Giáo viên nêu các câu hỏi 1, 2, 3 B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS trao đổi và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, theo dõi học sinh thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi lần lượt 3 HS trình bày lời giải của mình. - Các học sinh khác nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời. B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: - GV đánh giá thái độ làm việc, và kết quả trình bày của học sinh. - HS ghi nhận và tổng hợp kết quả. - Phương pháp đánh giá: Đánh giá qua sản phẩm của học sinh. - Công cụ kiểm tra đánh giá quá trình: Câu hỏi 1, 2, 3. - Giáo viên chốt kiến thức.	Câu 1. Công thức tính $\cos A = \frac{b^2 + c^2 - a^2}{2bc}$ $\cos B = \frac{a^2 + c^2 - b^2}{2ac}$ $\cos C = \frac{a^2 + b^2 - c^2}{2ab}$ Câu 2. Độ dài cạnh BC. Áp dụng định lý cô sin ta có: $BC^2 = AB^2 + AC^2 - 2 \cdot AB \cdot AC \cdot \cos A$ $BC^2 = 6^2 + 8^2 - 2 \cdot 6 \cdot 8 \cdot \cos 120^\circ$ $BC^2 = 148$ $\Rightarrow BC = 2\sqrt{37}$ Câu 3: Độ dài cạnh AC. Áp dụng định lý cô sin ta có: $AC^2 = AB^2 + BC^2 - 2 \cdot AB \cdot BC \cdot \cos B$ $AC^2 = 7^2 + 5^2 - 2 \cdot 7 \cdot 5 \cdot \cos 60^\circ$ $AC^2 = 39$ Tính góc A: $\cos A = \frac{AB^2 + AC^2 - BC^2}{2 \cdot AB \cdot AC}$ $\cos A = \frac{7^2 + 39 - 5^2}{2 \cdot 7 \cdot \sqrt{39}} = \frac{3\sqrt{39}}{26}$ $\Rightarrow A = 43^\circ 53'$ Tính góc B: Ta có: $A + B + C = 180^\circ$ $\Rightarrow C = 180^\circ - A - B = 76^\circ 7'$

4. Hoạt động vận dụng: (15 phút)

4.1. Mục tiêu: Giúp học sinh làm quen với một ứng dụng của định lý cosin

4.2. Nội dung : Giải quyết bài toán ở hoạt động mở đầu bài học.

Ngắm Tháp Rùa từ bờ, bằng những dụng cụ đơn giản, dễ chuẩn bị, làm sao để đo được khoảng cách từ vị trí ta đứng đến Tháp Rùa?



4.3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

4.4. Tổ chức thực hiện:

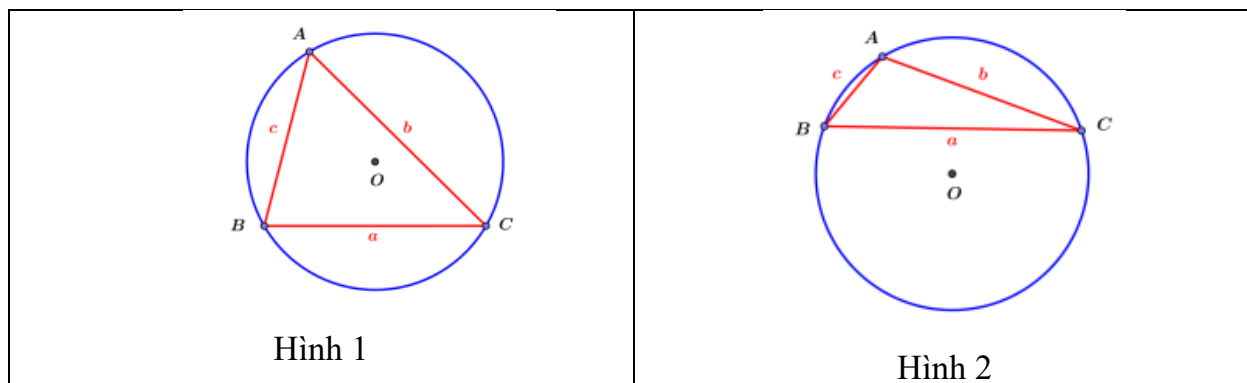
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và hình ảnh cho học sinh xem - Ứng dụng công nghệ thông tin trình chiếu; giáo viên giới thiệu hình ảnh Tháp Rùa, tập thể học sinh quan sát. - GV nêu câu hỏi - HS: trả lời B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ độc lập B3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi lần lượt 2 học sinh, trình bày câu trả lời của mình. - Các học sinh khác nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: - GV đánh giá thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh, và tổng hợp kết quả. - Phương pháp đánh giá: Đánh giá qua sản phẩm của học sinh - Công cụ kiểm tra đánh giá quá trình: Câu hỏi	Học sinh liên hệ kiến thức đã học định lý cosin để trả lời câu hỏi?

B. Hình thành định lý sin

1. Hoạt động khởi động (8 phút)

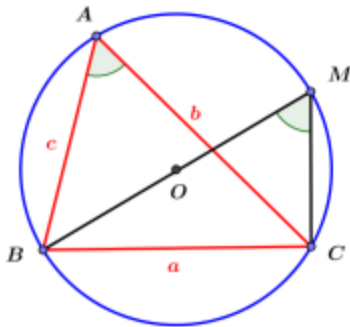
1.1. Mục tiêu: - Gợi động cơ, tạo tình huống xuất hiện trong tam giác để HS tiếp cận hình thành định lý sin.

1.2. Nội dung: Trong mỗi hình dưới đây, hãy tính R theo a và sinA.



1.3. Sản phẩm: bài làm của học sinh

1.4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Sản phẩm dự kiến																		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia 4 nhóm và chuyển giao nhiệm vụ: Chiều hình ảnh, yêu cầu học sinh: - Nhóm 1: Tính R theo a và $\sin A$ hình 1. - Nhóm 2: Tính R theo a và $\sin A$ hình 1. - Nhóm 3: Tính R theo a và $\sin A$ hình 2. - Nhóm 4: Tính R theo a và $\sin A$ hình 2. B2: Thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận với các bạn cùng nhóm trả lời câu hỏi. B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 2 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 2 nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: - GV đánh giá thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh, và tổng hợp kết quả. - Phương pháp đánh giá: Đánh giá qua sản phẩm của học sinh		Dự kiến câu trả lời: - Vẽ đường kính BM.  - Xét tam giác BMC: $2R = \frac{a}{\sin M} = \frac{a}{\sin A}.$ Suy ra $R = \frac{a}{2 \sin A}.$																		
<table><tr><th rowspan="2">NỘI DUNG</th><th rowspan="2">YÊU CẦU</th><th colspan="2">XÁC NHẬN</th></tr><tr><th>Có</th><th>Không</th></tr><tr><td>Tinh thần hoạt động nhóm</td><td>Các thành viên tham gia tích cực</td><td></td><td></td></tr><tr><td rowspan="2">Sản phẩm hoạt động nhóm</td><td>Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Sản phẩm đúng đạt yêu cầu</td><td></td><td></td></tr></table>		NỘI DUNG	YÊU CẦU	XÁC NHẬN		Có	Không	Tinh thần hoạt động nhóm	Các thành viên tham gia tích cực			Sản phẩm hoạt động nhóm	Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định			Sản phẩm đúng đạt yêu cầu				
NỘI DUNG	YÊU CẦU			XÁC NHẬN																
		Có	Không																	
Tinh thần hoạt động nhóm	Các thành viên tham gia tích cực																			
Sản phẩm hoạt động nhóm	Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định																			
	Sản phẩm đúng đạt yêu cầu																			
- Công cụ kiểm tra đánh giá quá trình: Câu hỏi																				

2. Hình thành kiến thức (7 phút):

2.1. Mục tiêu:

- Hình thành các công thức của định lý sin.

2. 2. Nội dung.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Từ hoạt động khởi động tính được R theo a và sinA: $R = \frac{a}{2 \sin A}$. Từ đó hãy tính:

+ Tính R theo b và sinB.

+ Tính R theo c và sinC.

2.3. Sản phẩm: Bài giải của học sinh.

2.4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện ở phiếu học tập số 3. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý quan sát, lắng nghe và cá nhân thực hiện câu hỏi. - HS ghi khung kiến thức vào vở. + Gv quan sát, theo dõi và hỗ trợ (khi cần). B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 HS đứng trước lớp: Nêu công thức tính R theo b; sinB và c; sinC. B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá kết quả của HS.	Dự kiến sản phẩm : $R = \frac{b}{2 \sin B}$ $R = \frac{c}{2 \sin C}$ Định lý sin: Trong tam giác ABC $\frac{a}{\sin A} = \frac{b}{\sin B} = \frac{c}{\sin C} = 2R.$

3. Hoạt động luyện tập. (10 phút)

3.1. Mục tiêu: Biết vận dụng kiến thức định lý sin vào tìm các yếu tố liên quan đến tam giác như độ dài cạnh, số đo các góc trong tam giác, bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác.

3.2. Nội dung:

PHIẾU HỌC TẬP 4

Câu 1: Cho tam giác ABC có $A=120^\circ, C=15^\circ$ và $b=10$. Tính a, c, R và số đo góc B.

Câu 2. Cho tam giác ABC có $b=7, c=5$ và $B=60^\circ$. Tính số đo các góc còn lại, và tính bán kính đường tròn ngoại tiếp và độ dài cạnh còn lại của tam giác.

3.3. Sản phẩm: Bài giải của học sinh

3.4 Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện. Giáo viên nêu các câu hỏi 1, 2, B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS trao đổi và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, theo dõi học sinh thực hiện nhiệm vụ	Câu 1: Ta có: $A + B + C = 180^\circ$ $\Rightarrow B = 180^\circ - A - C = 45^\circ$ Áp dụng định lý sin ta có: $\frac{a}{\sin A} = \frac{b}{\sin B} = \frac{c}{\sin C} = 2R$ Suy ra:

vụ. B3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi lần lượt HS trình bày lời giải của mình. - Các học sinh khác nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời. B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: - GV đánh giá thái độ làm việc, và kết quả trình bày của học sinh. - HS ghi nhận và tổng hợp kết quả. - Phương pháp đánh giá: Đánh giá qua sản phẩm của học sinh. - Công cụ kiểm tra đánh giá quá trình: Câu hỏi 1, 2. - Giáo viên chốt kiến thức.	$a = \frac{b}{\sin B} \cdot \sin A = \frac{10}{\sin 45^\circ} \cdot \sin 120^\circ = 5\sqrt{6}$ $c = \frac{b}{\sin B} \cdot \sin C = \frac{10}{\sin 45^\circ} \cdot \sin 15^\circ = 3,66$ $R = \frac{b}{2 \sin B} = \frac{10}{2 \sin 45^\circ} = 5\sqrt{2}$ Câu 2: Áp dụng định lý sin ta có: $\frac{a}{\sin A} = \frac{b}{\sin B} = \frac{c}{\sin C} = 2R$ Suy ra: $\sin C = \frac{c \cdot \sin B}{b} = \frac{5 \cdot \sin 60^\circ}{7} = \frac{5\sqrt{3}}{14}$ $\Rightarrow \hat{C} = 38^\circ 12'$ Ta có : $A + B + C = 180^\circ$ $\Rightarrow A = 180^\circ - B - C = 81^\circ 48'$ Tính R: $R = \frac{b}{2 \sin B} = \frac{7}{2 \sin 60^\circ} = \frac{7\sqrt{3}}{3}$ Tính cạnh a. $a = \frac{b}{\sin B} \cdot \sin A = \frac{7}{\sin 60^\circ} \cdot \sin 81^\circ 48' = 8$
--	--

C. Giải tam giác và ứng dụng thực tế (20 phút)

1. Mục tiêu:

- Áp dụng định lý sin, cô sin vào tính độ dài các cạnh và số đo các góc của một tam giác khi biết một số yếu tố tam giác và giải các bài toán thực tế.

2. Nội dung

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5
Câu 1: Giải tam giác ABC, biết $c = 12, A = 100^\circ, B = 30^\circ$.
Câu 2: Trở lại tình huống mở đầu, trình bày cách đo khoảng cách từ vị trí người chụp hình tới Tháp Rùa.

3. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện. - Giáo viên nêu các câu hỏi 1, 2. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS trao đổi và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, theo dõi học sinh thực hiện nhiệm vụ.	Câu 1: Ta có $C = 180^\circ - (A + B) = 50^\circ$. Áp dụng định lý sin ta có $\frac{a}{\sin 100^\circ} = \frac{b}{\sin 30^\circ} = \frac{12}{\sin 50^\circ}$ Suy ra $a = \frac{12 \sin 100^\circ}{\sin 50^\circ} \approx 15,43; \quad b = \frac{12 \sin 30^\circ}{\sin 50^\circ} \approx 7,83.$ Câu 2:

B3: Báo cáo, thảo luận:

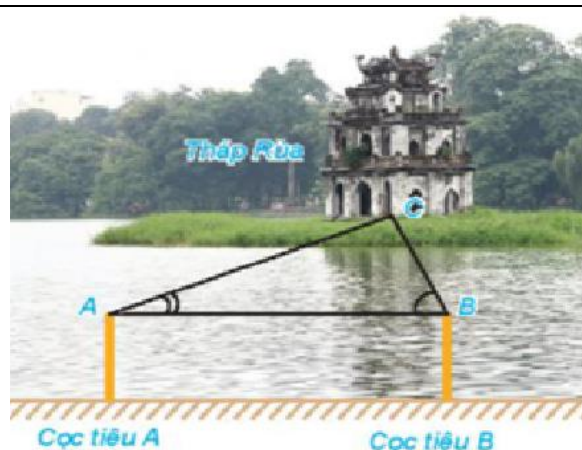
- GV gọi lần lượt HS trình bày lời giải của mình.
- Các học sinh khác nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời.

B4: Kết luận, nhận định, đánh giá:

- GV đánh giá thái độ làm việc, và kết quả trình bày của học sinh.
- HS ghi nhận và tổng hợp kết quả.
- Phương pháp đánh giá: Đánh giá qua sản phẩm của học sinh.

NỘI DUNG	YÊU CẦU	XÁC NHẬN	
		Có	Không
Tinh thần hoạt động nhóm	Các thành viên tham gia tích cực		
Sản phẩm hoạt động nhóm	Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định		
	Sản phẩm đúng đạt yêu cầu		

- Công cụ kiểm tra đánh giá quá trình: Câu hỏi 1, 2.
- Giáo viên chốt kiến thức.



Ví dụ 4/ sgk / trang 40.

5. Luyện tập :

5.1. Mục tiêu: Biết vận dụng kiến thức định lý sin, cô sin vào giải bài toán thực tế

5.2. Nội dung:

PHIẾU HỌC TẬP 6

Từ một khu vực có thể quan sát được hai đỉnh núi, ta có thể ngắm và đo để xác định khoảng cách giữa hai đỉnh núi đó. Hãy thảo luận để đưa ra các bước cho một cách đo.



5.3. Sản phẩm: Bài giải của học sinh

5.4 Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện. Giáo viên nêu các câu hỏi ở phiếu học tập 6. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS trao đổi và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, theo dõi học sinh thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi lần lượt HS trình bày lời giải của mình. - Các học sinh khác nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời. B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: - GV đánh giá thái độ làm việc, và kết quả trình bày của học sinh. - HS ghi nhận và tổng hợp kết quả. - Phương pháp đánh giá: Đánh giá qua sản phẩm của học sinh. - Công cụ kiểm tra đánh giá quá trình: Câu hỏi - Giáo viên chốt kiến thức.	Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.

Củng cố nội dung tiết 1,2:

Học sinh làm việc cá nhân trả lời nhanh đáp án và kèm theo giải thích nếu có.

PHIẾU HỌC TẬP 7

Câu 1. Cho tam giác ABC. Tìm công thức đúng.

A. $a^2 = b^2 + c^2 + 2bc \cos A$.

B. $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos A$.

C. $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos B$.

D. $a^2 = b^2 - c^2 + 2bc \cos A$.

Câu 2. Cho tam giác ABC . Tìm công thức sai:

A. $\frac{a}{\sin A} = 2R$.

B. $\sin A = \frac{a}{2R}$.

C. $b \sin B = 2R$.

D. $\sin C = \frac{c \sin A}{a}$.

Câu 3. Cho $\triangle ABC$ có $A = 45^\circ, C = 75^\circ$. Tìm số đo góc B.

A. $B = 65^\circ$.

B. $B = 70^\circ$

C. $B = 60^\circ$.

D. $B = 75^\circ$.

Câu 4. Cho tam giác ABC có $a = 5, b = 7, C = 60^\circ$. Độ dài cạnh c là:

A. $c = \sqrt{29}$.

B. $c = \sqrt{39}$.

C. $c = \sqrt{109}$.

D. $c = 2\sqrt{19}$.

Câu 5. Cho $\triangle ABC$ có $A = 45^\circ, a = \sqrt{2}, c = \sqrt{3}$. Tìm số đo góc C.

A. $C = 60^\circ$.

B. $C = 70^\circ$

C. $C = 120^\circ$.

D. $C = 30^\circ$.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....